

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khê, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: +84 (8) 3999 0090  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thực phục vụ khách hàng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHỢ LỚN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo kết quả soát xét tỷ lệ an toàn tài chính	02
2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	03 - 04
3. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	05 - 23

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khê, phường 13, quận 5, HCM

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321 B-C Đào Duy Anh, phường 9, Q. Phú Nhuận, HCM

Tel 84 (8) 3999 00 91-97

Fax: +84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



REANDA

Số: 2438/12/BCKT/AUD-VVALUES

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012**

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn lập ngày 14 tháng 8 năm 2012 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 23.

Viec lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2012.  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Vũ Thị Kim Anh – Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0565/KTV  
Chữ ký được ủy quyền

- Nơi nhận:  
▪ Như trên.  
▪ Lưu VIETVALUES.

Huỳnh Trúc Lâm - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

2

Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại thông tư số 226/2010/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2012.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHẠM VĂN TRANH



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	8.136.524.449
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	1.016.296.532
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động		7.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro ( $4=1+2+3$ )	6	16.152.820.981
5	Vốn khả dụng	7	34.092.086.751
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng ( $6=5/4$ )		211,06%

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012.

Người lập biểu

*Tranh*

Kế toán trưởng

*Tranh*

PHẠM VĂN TRANH



*Nguyễn Văn Liệt*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

### 1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần 2 Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 8 năm 2007.

Hoạt động của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại số 631- 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 21 người (31 tháng 12 năm 2011: 38 người)

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định tại thông tư số 226/2010/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư số 226/2010/TT-BTC").

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của riêng Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226/2010/TT-BTC và các văn bản khác.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 226/2010/TT-BTC chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xử lý một số khoản mục đặc thù nên Công ty đã áp dụng các cách thức diễn giải dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn**  
**Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chi tiêu “lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật” (Chi tiêu g, Khoản 1, Điều 4 – Vốn khả dụng, Thông tư 226/TT-BTC)	<p>Chi tiêu này được xác định bằng tổng của:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi nhuận lũy kế;</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012;</li> <li>- Số dư các khoản dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.</li> </ul> <p>Do số dư dự phòng trên bảng cân đối kế toán là một khoản mục phi tiền tệ, phản ánh phần đã được dành riêng để xử lý các rủi ro phát sinh, toàn bộ số dư dự phòng này cần phải được cộng lại vào lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 để xác định vốn khả dụng của Công ty.</p>
2	Chi tiêu “ Các khoản phải thu” (Chi tiêu g, Khoản 1, Điều 9 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư số 226/2010/TT-BTC)	Chi tiêu “Các khoản phải thu” bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khả tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

## 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### 3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là thước đo mức độ an toàn tài chính của công ty, phản ánh khả năng của công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

### 3.2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, vốn khả dụng của công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối được cộng lại số dư các khoản lập dự phòng trên bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo.

Vốn khả dụng của công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với ủy ban chứng khoán nhà nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các khoản chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;

Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu có.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba).

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn**  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

### 3.3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của rủi ro chứng khoán đang nắm giữ của công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - + Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - + Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

#### 3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong thông tư số 226/2010/TT-BTC.

#### 3.3.2 Giá tài sản

##### a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VNĐ là số dư tài khoản tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá của các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/ Giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

##### b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá mua; mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của cổ phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn**  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**c. Cổ phiếu**

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của công ty.

**d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán**

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (giá trị tài sản ròng ("NVA")/ 1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần góp vốn/dơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

**3.3.3 Giá trị rủi ro tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong quá trình bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty;

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi; các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

**3.4. Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi các đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ

*Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn*  
*Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012*

chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu; các khoản phải thu khác và tài sản khác có tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kè cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

#### **3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán**

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn theo quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Thời gian thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết), T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

#### **3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

##### *a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc bản thân Công ty*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Số thứ tự	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị trường của Hợp đồng – Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)),0}
3	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo – Giá trị trường của hợp đồng),0}
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua – Giá thị trường của Hợp đồng x (1- Hết số rủi ro thị trường)),0}
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của Hợp đồng x (1- Hết số rủi ro thị trường) – Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ – Giá trị tài sản bảo đảm),0}

Trong đó:

- Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.
- Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá thị trường. Trong trường hợp tài sản đảm bảo của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.
- Giá trị của các tài sản được xác định theo mục 3.3.2

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn**  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
<b>A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)</b>		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
<b>B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)</b>		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

**b. Các khoản phải thu, trái phiếu đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn**

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có)

#### 3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính ban hành;

Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

#### 3.4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

#### 3.4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

#### 3.5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá thị trường ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗi từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

#### 4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			
1 Tiền mặt (VND)	0	72.913.008	-
2 Các khoản tương đương tiền	0	33.017.702.581	-
3 Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>			
4 Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5 Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu			
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này; Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4	-	-
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>			
6 Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kè cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
6 Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kè cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
6 Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kè cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn**  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kề cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kề cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kề cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	40.901.406.725	4.090.140.673
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	72.558.508	10.883.776
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	8.071.000.000	4.035.500.000
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
13	Quỹ đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>			8.136.524.449	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chí Lực  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ rủi ro tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

## 5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>						
1 Triển gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	-	-	-	-	600.000.000	- 600.000.000
2 Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-
3 Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-
6 Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	416.296.532	416.296.532
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>						
Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro			
1 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16		-			
2 16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32		-			
3 31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48		-			
4 Từ 60 ngày trở đi	100		-			
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>					1.016.296.532	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn**  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Ghi chú:**

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

**Hệ số rủi ro thanh toán**

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác của Công ty được xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán (%)
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

## 6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	37.626.262.774
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	14.722.615.003
	1. Chi phí khấu hao	1.566.272.272
II	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	13.156.342.731
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	22.903.647.771
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	5.725.911.943
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
C.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	7.000.000.000
D.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	16.152.820.981

## 7. VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	90.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	15.096.420.000		
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quỹ đầu tư phát triển	1.160.361.540		
6	Quỹ dự phòng tài chính	451.151.282		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(25.774.135.453)		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối	(45.114.070.538)		
	Số dư các khoản dự phòng	19.339.935.085		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		8.706.677.654	-
1A	Tổng			72.227.119.715
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm án rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giám trú khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		22.785.812.015	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn <sup>(*)</sup>			

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		4.000.000	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi <sup>(*)</sup>			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		385.150.257	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		11.223.220.131	
1B	<b>Tổng</b>			<b>34.398.182.403</b>
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			
4	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
 Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi <sup>(*)</sup>			
II	Tài sản cố định		3.736.850.561	-
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn <sup>(*)</sup>			
V	Tài sản dài hạn khác		-	
	Các chi tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng		3.736.850.561	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>			34.092.086.751	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn  
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

7.1. Giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán

Chỉ tiêu	Giá gốc	Giá thị trường	Chênh lệch
<b>Giá trị tăng thêm</b>			
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-
<b>Cộng (A)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị giảm đi</b>			
Cổ phiếu niêm yết	40.973.965.233	30.436.668.300	(10.537.712.509)
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.071.000.000	2.876.854.840	(5.194.145.160)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-
<b>Cộng (B)</b>	<b>49.044.965.233</b>	<b>33.313.523.140</b>	<b>(15.731.857.669)</b>
<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>49.044.965.233</b>	<b>33.313.523.140</b>	<b>(15.731.857.669)<sup>(*)</sup></b>

(\*) Trong đó:

- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh  
Xuất Nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (7.025.180.015)
- Cổ phiếu của các Công ty khác (8.706.677.654)
- Cộng** (15.731.857.669)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2012.

Người lập biểu

Tranh

PHẠM VĂN TRANH

Kế toán trưởng

Tranh

PHẠM VĂN TRANH



Nguyễn Văn Liệt

